

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 11 - 2021

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Nguyễn Hoàng Kha

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 534/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1989; HKTT: Khóm I, thị trấn N huyện C, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: Số X, đường T, khóm V, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Quang V, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số X, đường T, khóm V, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Chị Trần Thị N trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa như sau:*

Hôn nhân: Chị và anh Phan Quang V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh V không quan tâm chăm sóc gia đình, anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Nhận thấy chung sống không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh V nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Con chung: Chị và anh V có 01 người con chung tên Phan Vũ M, sinh ngày 14/12/2010, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Anh Phan Quang V trình bày tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa như sau:*

Hôn nhân: Về thời gian chung sống đúng như chị N trình bày. Anh và chị N chung sống tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống anh và chị N xảy ra nhiều mâu thuẫn đúng như chị N trình bày, không hạnh phúc. Chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Con chung: Anh và chị N có 01 người con chung tên Phan Vũ M, sinh ngày 14/12/2010, hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Minh cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N và anh Phan Quang V chung sống với nhau vào năm 2009, không đăng ký kết hôn theo quy định. Chị N yêu cầu ly hôn với anh V. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình.

[2] Hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Phan Quang V chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V. Căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận chị Trần Thị N và anh Phan Quang V là vợ chồng.

[3] Con chung: Chị N và anh V có 01 người con chung tên Phan Vũ M, sinh ngày 14/12/2010, hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N và anh V thống nhất giao cháu M cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với ý kiến của cháu M tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 15/7/2021, đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Tài sản chung: Chị N và anh V xác định không có tài sản chung. Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị N và anh V xác định không có nợ chung, không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị N và anh Phan Quang V là vợ chồng.

Con chung: Giao Phan Vũ M, sinh ngày 14/12/2010, hiện đang sống chung với chị N cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí: Chị Trần Thị N phải nộp án phí ly hôn 300.000 đồng. Ngày 18/6/2021 chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0001170 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**